

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT AL-96

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT AL-96

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AL-96 PRODUCTION TRADING SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV DV TM SX AL-96

2. Mã số doanh nghiệp: 1900695902

3. Ngày thành lập: 05/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thửa đất 248, Ấp Phước Thuận 1, Thị Trấn Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 0967683218

Fax:

Email:

Website: congngheuss@gmail.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến, bảo quản thủy sản, hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Chế biến và bảo quản cá, tôm, cua và loài thân mềm. Sản xuất cá, sản phẩm cá, tôm, cua và các loài động vật thân mềm.	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Sản xuất tinh dầu và sản phẩm từ tinh dầu	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Sản xuất giày, dép Chi tiết : Sản xuất, gia công giày dép các loại	1520
7.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
8.	Đúc sắt, thép Chi tiết: Sản xuất kinh doanh chi tiết thép, đúc cán thép, kim loại	2431
9.	Đúc kim loại màu Chi tiết: Đúc luyện kim đen và luyện kim màu (không hoạt động tại trụ sở).	2432
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

12.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ (trừ chế biến gỗ).	3100
13.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
14.	Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm)	3812
15.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
16.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm)	3822
17.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu.	3811
18.	Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm)	3830
19.	Xây dựng nhà để ở	4101
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Phá dỡ	4311
26.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Thi công san lấp mặt bằng	4312
27.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
28.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao;	4390
29.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá, các hàng hóa nhà nước cấm)	4610
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

33.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
34.	Bán buôn thực phẩm	4632
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn văn phòng phẩm	4649
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
40.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, nhớt)	4661
41.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm	4662
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
43.	Bán buôn tổng hợp	4690
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4730
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
49.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
50.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; hàng hóa đường bộ; hàng hóa cảng biển; hàng hóa cảng sông	5224
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
56.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
57.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe đào, xe múc, xe cẩu	7710
58.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299(Chính)
60.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

